



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 05 tháng 03 năm 2023

23
: 7
H
TO
S
N

Số: 030501/2023/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 89.376.397.934 đồng, lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 192.471.654.968 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào việc gia hạn các khoản phải trả nhà cung cấp và dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh vận tải, cho thuê văn phòng, thanh lý tài sản cố định...

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh trên.



Trần Thiện Thanh

Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2023-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2023

Đặng Thị Phương Thảo

Đặng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5169-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.382.465.865	13.054.647.664
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		232.967.696	1.025.154.083
1. Tiền	111	V.1	232.967.696	1.025.154.083
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.190.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	1.190.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.560.213.131	7.251.850.384
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.985.387.587	6.311.274.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	531.740.700	158.691.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	43.084.844	781.884.421
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1.136.833.164	3.179.579.900
1. Hàng tồn kho	141		1.136.833.164	3.179.579.900
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		452.451.874	408.063.297
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	447.147.024	403.002.824
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		246.115	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	5.058.735	5.060.473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		256.675.637.852	306.129.217.212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	584.015.445
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	500.000.000	584.015.445
II. Tài sản cố định	220		211.611.045.470	253.577.007.938
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	211.551.432.573	235.614.225.486
- Nguyên giá	222		450.504.016.742	428.533.299.040
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.952.584.169)	(192.919.073.554)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	17.885.569.551
- Nguyên giá	225		-	65.708.762.941
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(47.823.193.390)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	59.612.897	77.212.901
- Nguyên giá	228		163.000.000	163.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.387.103)	(85.787.099)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.349.024.649	10.205.053.476
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	10.349.024.649	10.205.053.476
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.377.444.040	29.491.783.850
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(900.100.837)	(508.216.150)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.277.544.877	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.838.123.693	12.271.356.503
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	3.838.123.693	12.271.356.503
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		264.058.103.717	319.183.864.876


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		101.361.675.978	98.666.228.037
I. Nợ ngắn hạn	310		96.758.863.799	72.900.386.969
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	6.817.236.063	3.613.472.178
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	100.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	1.778.300.829	1.855.098.713
4. Phải trả người lao động	314		1.104.316.000	483.997.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	472.477.160	106.171.045
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	808.179.880	740.842.620
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	4.823.819.541	5.182.519.230
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	80.954.534.326	60.818.286.183
II. Nợ dài hạn	330		4.602.812.179	25.765.841.068
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	63.471.000	42.471.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	4.539.341.179	25.723.370.068
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.696.427.739	220.517.636.839
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	162.696.427.739	220.517.636.839
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	5.272.435.487
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(192.471.654.968)	(134.650.445.868)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(134.650.445.868)	(66.097.123.183)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(57.821.209.100)	(68.553.322.685)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		264.058.103.717	319.183.864.876


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 05 tháng 03 năm 2023


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		104.445.873.770	94.335.266.140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	104.445.873.770	94.335.266.140
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	134.859.379.509	128.607.360.633
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(30.413.505.739)	(34.272.094.493)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	60.306.123	41.932.495
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.195.081.352	7.567.520.251
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.803.196.665	6.884.568.095
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.926.667.915	16.450.902.446
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(51.474.948.883)	(58.248.584.695)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	59.943.561	18.350.984
12. Chi phí khác	32	VI.7	6.406.203.778	10.323.088.974
13. Lợi nhuận khác	40		(6.346.260.217)	(10.304.737.990)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(57.821.209.100)	(68.553.322.685)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(57.821.209.100)	(68.553.322.685)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-


NghiêM Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 05 tháng 03 năm 2023


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(57.821.209.100)	(68.553.322.685)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	27.750.777.347	33.940.546.670
Các khoản dự phòng	03	391.884.687	164.548.228
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(126.737)	42.252
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.455.323.488	4.734.604.490
Chi phí lãi vay	06	6.803.196.665	6.884.568.095
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(17.420.153.650)	(22.829.012.950)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.746.751.734	26.931.869.828
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	2.042.746.736	(288.070.293)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	3.243.704.572	(1.008.406.046)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	8.389.088.610	14.612.740.445
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.337.364.550)	(8.285.653.462)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	(8.335.226.548)	9.133.467.522
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(266.573.355)	(6.938.079.996)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	8.855.976.429	3.216.363.632
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(87.544.877)	(1.190.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	45.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	88.835.973	14.370.965
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.590.694.170	40.102.654.601
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	93.243.677.926	47.632.081.031
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(84.208.478.264)	(94.606.795.189)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(10.082.980.408)	(7.467.637.388)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.047.780.746)	(54.442.351.546)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(792.313.124)	(5.206.229.423)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.025.154.083	6.231.425.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		126.737	(42.252)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	232.967.696	1.025.154.083


NghiêM Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 05 tháng 03 năm 2023


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 30 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HHG. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG là ngày 28/07/2010.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 213 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 230 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2022, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 89.376.397.934 đồng, lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2022 là 192.471.654.968 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình hiện tại đã hoàn thành xong giai đoạn giải phóng mặt bằng. Công ty sẽ tập trung nguồn lực để đầu tư, xây dựng Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình theo tiêu chuẩn bến xe khách loại I thành phố Thái Bình. Dự án này hoàn thành sẽ đảm bảo mang lại nguồn thu đáng kể cho Công ty.
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Khu đô thị Vũ Phúc Riverside, tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu các sản phẩm, mở rộng thị trường mua bán xe ô tô và thị trường bất động sản. Đây là hướng đi mới rất khả quan và mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty.
- Giảm nợ vay các tổ chức tín dụng để giảm chi phí lãi vay phát sinh hàng tháng phải trả.
- Công ty đang tăng cường, điều chỉnh công tác quản lý cho phù hợp như: mở rộng việc khoán doanh thu cho các bộ phận, phòng ban trực tiếp tham gia sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, cải thiện đời sống người lao động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đang tìm kiếm các khoản thu khác như thanh lý với một số xe ô tô cũ, không thích hợp sử dụng. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh lý một số phương tiện vận tải và thu được toàn bộ số tiền là 8.855.976.429 đồng. Qua đó, có nguồn tài chính để trang trải, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải xe khách, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, dịch vụ.
- Công ty thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý, chi phí gián tiếp,... Ví dụ, Công ty đã xây dựng quy định về sử dụng điện tại cơ quan nhằm hướng dẫn CBCNV có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện. Thường xuyên kiểm tra công tác tiết kiệm điện trong cơ quan.
- Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán, hoãn tiến độ thanh toán với một số nhà cung cấp, tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp.
- Công ty cũng đang tiếp tục tận dụng một số chính sách hỗ trợ từ Nhà nước để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục (Tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ đầu tư các dự án đang triển khai của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Hệ điều hành taxi và phần mềm chuyển phát nhanh	05
Phần mềm taxi	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	200.213.222	302.488.451
Tiền gửi ngân hàng	32.754.474	722.665.632
Cộng	232.967.696	1.025.154.083

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.190.000.000
Cộng	-	1.190.000.000
b) Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.277.544.877	-
Cộng	1.277.544.877	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình với gốc ban đầu là 1.190.000.000 đồng (lãi nhập gốc 87.544.877 đồng). Lãi suất là 6,4%/năm. Ngày đáo hạn là ngày 23/06/2024. Khoản tiền gửi này được đảm bảo cho việc xây dựng dự án Bến xe khách phía Tây Thái Bình.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kim Long - Thái Bình	1.998.877.400	984.922.200
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.228.706.413	688.710.413
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Nova	986.721.107	-
Khách hàng khác	771.082.667	4.637.642.350
Cộng	4.985.387.587	6.311.274.963
b) Phải thu các bên liên quan		
Trong đó khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)	1.759.557.413	1.219.561.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	334.740.700	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Hà Nội	140.000.000	100.000.000
Các nhà cung cấp khác	57.000.000	58.691.000
Cộng	531.740.700	158.691.000

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7.000.000	7.000.000
Tiền thuế GTGT phải thu hoạt động thuê tài chính	-	744.211.763
Phải thu khác	36.084.844	30.672.658
Cộng	43.084.844	781.884.421
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	500.000.000	584.015.445
Cộng	500.000.000	584.015.445

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	436.990.250	391.665.877
Chi phí trả trước khác	10.156.774	11.336.947
Cộng	447.147.024	403.002.824
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	2.953.143.805	9.954.250.193
Công cụ dụng cụ xuất dùng	872.224.216	2.106.378.270
Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe	-	186.410.404
Chi phí trả trước khác	12.755.672	24.317.636
Cộng	3.838.123.693	12.271.356.503

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	890.536.868	-	3.179.579.900	-
Hàng hoá	246.296.296	-	-	-
Cộng	1.136.833.164	-	3.179.579.900	-

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số thực nộp/bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu								
Thuế môn bài	5.000.000		4.000.000		4.000.000		5.000.000	
Thuế, phí, lệ phí khác	58.735		1.738		-		60.473	
Cộng	5.058.735		4.001.738		4.000.000		5.060.473	
b) Các khoản phải nộp								
Thuế giá trị gia tăng	1.572.283.270		8.882.544.205		8.726.162.436		1.415.901.501	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.854.576		-		-		146.854.576	
Thuế thu nhập cá nhân	7.071.550		7.071.550		4.880.519		4.880.519	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	46.269.279		267.708.171		394.942.072		173.503.180	
Thuế, phí, lệ phí khác	5.822.154		130.274.284		238.411.067		113.958.937	
Cộng	1.778.300.829		9.287.598.210		9.364.396.094		1.855.098.713	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm	221.549.736.357	28.063.866.344	134.857.471.013	44.062.225.326	428.533.299.040
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	65.865.057.123	-	65.865.057.123
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(43.894.339.421)	-	(43.894.339.421)
Tại ngày cuối năm	221.549.736.357	28.063.866.344	156.828.188.715	44.062.225.326	450.504.016.742
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	53.572.852.263	24.962.593.241	96.852.418.030	17.531.210.020	192.919.073.554
Khấu hao trong năm	8.259.907.815	1.397.415.943	8.916.290.591	5.839.613.004	24.413.227.353
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	51.143.143.380	-	51.143.143.380
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(29.522.860.118)	-	(29.522.860.118)
Tại ngày cuối năm	61.832.760.078	26.360.009.184	127.388.991.883	23.370.823.024	238.952.584.169
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	167.976.884.094	3.101.273.103	38.005.052.983	26.531.015.306	235.614.225.486
Tại ngày cuối năm	159.716.976.279	1.703.857.160	29.439.196.832	20.691.402.302	211.551.432.573

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 25.173.102.626 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 55.872.865.668 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 116.009.154.692 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 61.625.774.825 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	65.708.762.941	65.708.762.941
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(65.708.762.941)	(65.708.762.941)
Tại ngày cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	47.823.193.390	47.823.193.390
Khấu hao trong năm	3.319.949.990	3.319.949.990
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(51.143.143.380)	(51.143.143.380)
Tại ngày cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	17.885.569.551	17.885.569.551
Tại ngày cuối năm	-	-

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	163.000.000	163.000.000
Tại ngày cuối năm	163.000.000	163.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	85.787.099	85.787.099
Khấu hao trong năm	17.600.004	17.600.004
Tại ngày cuối năm	103.387.103	103.387.103
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	77.212.901	77.212.901
Tại ngày cuối năm	59.612.897	59.612.897

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Bến xe phía Tây Thái Bình	10.349.024.649	10.205.053.476
Cộng	10.349.024.649	10.205.053.476

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)**

Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình được thực hiện theo Hợp đồng BOO số 03/HĐ -BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018 ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và xây dựng công trình theo hợp đồng là từ năm 2018 đến năm 2019. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đã hoàn thiện xong quá trình giải phóng mặt bằng.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tỷ lệ biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
100%	30.000.000.000	(900.100.837)	30.000.000.000	(508.216.150)
	30.000.000.000	(900.100.837)	30.000.000.000	(508.216.150)

Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình
Cộng

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vận tải Ngọc Mai	5.004.499.600	5.004.499.600	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	62.812.621	62.812.621	1.595.141.754	1.595.141.754
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	1.749.923.842	1.749.923.842	2.018.330.424	2.018.330.424
Cộng	6.817.236.063	6.817.236.063	3.613.472.178	3.613.472.178
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)	138.438.001	138.438.001	1.724.347.754	1.724.347.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay	445.441.160	106.171.045
Chi phí phải trả khác	27.036.000	-
Cộng	472.477.160	106.171.045

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận trước tiền thuê mặt bằng, thuê quảng cáo trên thân xe bus	808.179.880	740.842.620
Cộng	808.179.880	740.842.620

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	116.510.160	116.510.160
Bảo hiểm xã hội	396.162.058	925.098.305
Bảo hiểm y tế	29.727.604	16.657.225
Bảo hiểm thất nghiệp	11.356.258	3.742.413
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	21.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.094.441.770	4.050.626.702
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	175.621.691	48.884.425
Cộng	4.823.819.541	5.182.519.230
Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)	4.152.677.770	4.050.626.702
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	63.471.000	42.471.000
Cộng	63.471.000	42.471.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	31.711.305.918	31.711.305.918	40.843.677.926	49.453.848.856	40.321.476.848	40.321.476.848
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	14.111.950.593	14.111.950.593	22.907.425.601	28.336.734.027	19.541.259.019	19.541.259.019
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	17.599.355.325	17.599.355.325	17.936.252.325	21.117.114.829	20.780.217.829	20.780.217.829
Vay cá nhân, tổ chức	29.300.000.000	29.300.000.000	52.400.000.000	23.100.000.000	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình (iii)	24.700.000.000	24.700.000.000	25.000.000.000	300.000.000	-	-
Ông Lưu Tuấn Anh (iv)	4.600.000.000	4.600.000.000	9.600.000.000	5.000.000.000	-	-
Các cá nhân khác	-	-	17.800.000.000	17.800.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	19.943.228.408	19.943.228.408			10.881.642.000	10.881.642.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	-	-			9.615.167.335	9.615.167.335
Cộng	80.954.534.326	80.954.534.326			60.818.286.183	60.818.286.183

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng hạn mức số 01/2022/416446/HĐTD ngày 15 tháng 08 năm 2022. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 17.200.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/08/2023. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các hợp đồng thế chấp cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02100/HDTD/22/00030-VCB ngày 10 tháng 05 năm 2022 với hạn mức cho vay là 20.780.217.829 đồng. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Mục đích vay vốn để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, thương mại, sửa chữa ô tô nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản bảo đảm là tài sản gắn liền với đất là công trình văn phòng Công ty - Bến xe phía Tây tại Bến xe Hoàng Hà, số 368, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình và công trình nhà chờ tại bến xe khách Hoàng Hà.
- (iii) Khoản vay Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình theo Hợp đồng vay tiền số HĐVT01/2022 ngày 15/01/2022. Tổng số tiền vay là 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay để phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay trong vòng 12 tháng. Lãi suất vay không kỳ hạn là 0,2%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay ông Lưu Tuấn Anh theo Hợp đồng vay tiền số 1511HH/2022 ngày 14/11/2022. Tổng số tiền vay là 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay trong vòng 06 tháng. Lãi suất vay là 11 %/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản vay dài hạn của Công ty	24.482.569.587	24.482.569.587	-	11.654.629.408	36.137.198.995	36.137.198.995
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	11.972.879.676	11.972.879.676	-	3.112.053.324	15.084.933.000	15.084.933.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình (ii)	11.319.123.911	11.319.123.911	-	7.688.460.084	19.007.583.995	19.007.583.995
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thái Bình (iii)	1.190.566.000	1.190.566.000	-	854.116.000	2.044.682.000	2.044.682.000
Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	10.082.980.408	10.082.980.408	10.082.980.408
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	5.601.162.250	5.601.162.250	5.601.162.250
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	4.481.818.158	4.481.818.158	4.481.818.158
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	19.943.228.408	19.943.228.408		10.881.642.000	10.881.642.000	10.881.642.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	9.487.946.676	9.487.946.676		4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	9.834.113.732	9.834.113.732		5.896.548.000	5.896.548.000	5.896.548.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thái Bình	621.168.000	621.168.000		785.094.000	785.094.000	785.094.000
Trừ: Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-		9.615.167.335	9.615.167.335	9.615.167.335
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	-		5.133.349.170	5.133.349.170	5.133.349.170
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	-	-		4.481.818.165	4.481.818.165	4.481.818.165
Cộng	4.539.341.179	4.539.341.179		25.723.370.068	25.723.370.068	25.723.370.068

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 021/050/09/0000288/VCB-TB tháng 06 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay). Thời hạn vay vốn là 144 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư công trình Văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 14472.16.755.2376838.TD ngày 18 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để đầu tư mua sắm ô tô mới nguyên chiếc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách. Thời hạn vay vốn tối đa là 84 tháng, lãi suất vay vốn được quy định tại từng khế ước nhận nợ tại thời điểm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 89826.17.755.2376838.TD ngày 30 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng là 17.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô chở khách 29 chỗ theo hợp đồng mua bán xe số CV15VSA1215106/AH ngày 17 tháng 12 năm 2015 và phụ lục 05 ngày 13 tháng 02 năm 2017 ký giữa Công ty CP Hoàng Hà và Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam (Giai đoạn 2 - năm 2017); Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trên khế ước nhận nợ, lãi suất được quy định tại từng thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 20 xe ô tô 29 chỗ Fuso Rosa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Hà.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV-9222 ngày 12 tháng 12 năm 2019. Số tiền cho vay là 2.884.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Thời hạn giải ngân tối đa 60 ngày kể từ ngày 12/12/2019. Mục đích vay để mua xe ô tô Lexus theo Hợp đồng mua bán xe ô tô trả góp số 190834/HĐMB ngày 09/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Lexus Thăng Long và Công ty. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là xe ô tô, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Công ty bao gồm các thông tin: nhãn hiệu Lexus, số loại RX350, biển số 17A - 163.78, số khung JTJBZMCA402046782. Tài sản đảm bảo được định giá là 4.100.000.000 đồng.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính:		
Trong vòng một năm	-	9.615.167.335
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	467.813.073
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	-	10.082.980.408
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	9.615.167.335
Số phải trả sau 12 tháng	-	467.813.073

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do vay dài hạn:		
Trong vòng một năm	19.943.228.408	10.881.642.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.539.341.179	25.255.556.995
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	24.482.569.587	36.137.198.995
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	19.943.228.408	10.881.642.000
Số phải trả sau 12 tháng	4.539.341.179	25.255.556.995

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(66.097.123.183)	289.070.959.524
Lỗ trong năm	-	-	-	(68.553.322.685)	(68.553.322.685)
Số dư đầu năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(134.650.445.868)	220.517.636.839
Lỗ trong năm	-	-	-	(57.821.209.100)	(57.821.209.100)
Số dư cuối năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(192.471.654.968)	162.696.427.739

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng đô la Mỹ (USD)	161,61	174,81

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2022				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	47.479.923.593	52.473.631.136	4.492.319.041	104.445.873.770
Tổng doanh thu	47.479.923.593	52.473.631.136	4.492.319.041	104.445.873.770
Chi phí phân bổ	51.602.022.356	93.717.666.820	3.466.358.248	148.786.047.424
- Giá vốn hàng bán	45.271.115.211	86.720.905.639	2.867.358.659	134.859.379.509
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.330.907.145	6.996.761.181	598.999.589	13.926.667.915
Kết quả kinh doanh bộ phận	(4.122.098.763)	(41.244.035.684)	1.025.960.793	(44.340.173.654)
Doanh thu hoạt động tài chính				60.306.123
Chi phí tài chính				7.195.081.352
Lợi nhuận (lỗ) khác				(6.346.260.217)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(57.821.209.100)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	890.562.537	-	890.562.537
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.717.187.952	18.475.420.511	1.581.698.875	36.774.307.339
Số dư tại ngày 31/12/2022				
Tài sản bộ phận	334.740.700	260.361.650.204	3.361.712.813	264.058.103.717
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	334.740.700	260.361.650.204	3.361.712.813	264.058.103.717
Nợ phải trả bộ phận	-	101.361.675.978	-	101.361.675.978
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	101.361.675.978	-	101.361.675.978

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.445.873.770	94.335.266.140
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.473.631.136	64.906.870.930
- Doanh thu bán hàng hóa	47.479.923.593	23.343.424.818
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.492.319.041	5.816.732.735
- Doanh thu khác	-	268.237.657
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.445.873.770	94.335.266.140

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	86.720.905.639	102.307.032.230
Giá vốn hàng hóa đã bán	45.271.115.211	22.289.666.773
Giá vốn bất động sản	2.867.358.659	3.742.423.973
Giá vốn khác	-	268.237.657
Cộng	134.859.379.509	128.607.360.633

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.179.386	41.932.495
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	126.737	-
Cộng	60.306.123	41.932.495

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	6.803.196.665	6.884.568.095
Dự phòng tổn thất đầu tư	391.884.687	682.909.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	42.252
Cộng	7.195.081.352	7.567.520.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	4.800.403.599	5.312.057.821
Chi phí phân bổ	2.142.811.673	2.638.395.085
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.951.353.251	4.994.432.344
Thuế, phí và lệ phí	304.234.335	199.724.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.090.766.855	1.909.170.303
Chi phí bằng tiền khác	637.098.202	1.397.122.029
Cộng	13.926.667.915	16.450.902.446

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền bồi thường bảo hiểm xe	-	17.000.000
Các khoản thu nhập khác	59.943.561	1.350.984
Cộng	59.943.561	18.350.984

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao của xe dừng hoạt động do ảnh hưởng của dịch Covid - 19	-	5.526.866.692
Lỗi do thanh lý tài sản cố định	5.515.502.874	4.726.536.985
Các khoản phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	889.791.435	65.580.069
Chi phí khác	909.469	4.105.228
Cộng	6.406.203.778	10.323.088.974

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(57.821.209.100)	(68.553.322.685)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	8.227.391.517	13.329.241.473
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>8.227.391.517</i>	<i>13.329.241.473</i>
+ Các khoản phạt	889.791.435	69.614.101
+ Chi phí khấu hao xe dừng hoạt động	-	5.526.866.692
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	6.743.017.279	6.842.635.600
+ Chi phí không được trừ khác	594.582.803	890.125.080
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(49.593.817.583)	(55.224.081.212)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(49.593.817.583)	(55.224.081.212)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lợi cơ bản trên cổ phiếu, trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ tiêu trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.430.844.871	48.184.186.454
Chi phí nhân công	25.980.562.039	38.120.690.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.750.777.347	33.940.546.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.831.767.292	3.655.404.096
Chi phí khác bằng tiền	1.520.980.664	4.358.802.764
Cộng	103.514.932.213	128.259.630.154

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông Lưu Huy Hà là cổ đông lớn của Thái Bình Xanh
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông Lưu Huy Hà là đại diện pháp luật của Hoàng Tân
Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	363.636.360	1.587.272.724
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	-	87.272.728
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	363.636.360	1.499.999.996
Mua hàng	5.432.507.364	14.319.627.740
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	5.272.857.864	13.984.557.740
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	159.649.500	335.070.000
Đi vay	34.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	25.000.000.000	-
Ông Lưu Tuấn Anh	9.600.000.000	-
Trả gốc vay	5.300.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	300.000.000	20.000.000.000
Ông Lưu Tuấn Anh	5.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	224.130.520	12.111.111
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	43.815.068	12.111.111
Ông Lưu Tuấn Anh	180.315.452	-
Thu hồi đầu tư vốn góp	-	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	-	20.000.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.759.557.413	1.219.561.413
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	1.228.706.413	688.710.413
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	48.000.000	48.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	482.851.000	482.851.000
Phải trả người bán ngắn hạn	138.438.001	1.724.347.754
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	62.812.621	1.595.141.754
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	75.625.380	129.206.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	29.300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	24.700.000.000	-
Ông Lưu Tuấn Anh	4.600.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	4.152.677.770	4.050.626.702
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.094.441.770	4.050.626.702
Ông Lưu Tuấn Anh	58.236.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch HĐQT	195.494.000	186.394.762
Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc	178.504.000	158.056.251
Ông Đinh Văn Thọ - Phó Tổng Giám đốc	153.632.000	125.831.442
Ông Lưu Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	95.521.000	140.404.613
Ông Lưu Minh Sơn - Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Cộng	647.151.000	634.687.068

2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 93.243.677.926 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 84.208.478.264 đồng.

- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính: 10.082.980.408 đồng.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 05 tháng 03 năm 2023

Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc